

Số: 158/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 12 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 248/2022/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Dương Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị C và anh Dương Văn C thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Tên Dương Thị Mai T sinh ngày 04/01/2005, Dương Như Ý sinh ngày 21/11/2014, hiện tại đang sống chung với chị Lê Thị C, có nguyện vọng sống chung với chị C sau khi chị C và anh C ly hôn.

Chị Lê Thị C và anh Dương Văn C thoả thuận quyền nuôi con như sau:

+ Chị Lê Thị C được tiếp tục nuôi con chung tên Dương Thị Mai T sinh ngày 04/01/2005, Dương Như Ý sinh ngày 21/11/2014 khi ly hôn.

+ Anh Dương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị C và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị C và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị C và anh C, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị C tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010774 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Lê Thị C được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã M; huyện Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh